TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 11-AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 110/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 31-12-2025
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11-AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Hùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Văn Dứt và bà Nguyễn Thị Ly

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11-An Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 31 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 284/2025/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2025, về việc "tranh chấp về ly hôn, nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 363/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà H NER ÊBAN, sinh ngày 30/12/2000, số căn cước công dân 066300003674; địa chỉ: số E, ấp L, xã C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên lạc: số 13a, đường số A, khu phố I, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; có văn bản xin vắng mặt.

Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh ngày 14/10/1996, số căn cước công dân 089096017410; địa chỉ: số E, ấp L, xã C, tỉnh An Giang; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà H NER ÊBAN trình bày: Bà H NER ÊBAN với ông Trần Văn T do quen biết, tìm hiểu nhau và tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân lần thứ nhất của cả hai, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện C, tỉnh An Giang. Giấy đăng ký kết hôn số 189, ký ngày 28 tháng 9 năm 2020. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn do không tôn trọng nhau, tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra bất hòa, cả hai cố gắng tìm cách hàn gắn nhưng không thể nào sống chung được nữa và ly thân từ đó cho đến nay. Nhận thấy

tình cảm của vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài được, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H NER ÊBAN yêu cầu được ly hôn với ông Trần Văn T; Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Chí T1, sinh ngày 20/8/2021, con chung đang sống chung với bà H NER ÊBAN. Khi ly hôn bà H NER ÊBAN yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con đến tuổi trưởng thành; không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và về nợ chung: không có.

Bị đơn ông Trần Văn T không gửi ý kiến cho Tòa án, vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà H NER ÊBAN khởi kiện vụ án tranh chấp về ly hôn với ông Trần Văn T. Ông N có nơi cư trú trên địa bàn xã C, tỉnh An Giang. Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân khu vực 11-An Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[2] Bà H NER ÊBAN, có đơn xin vắng mặt; ông Trần Văn T đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà H NER ÊBAN và ông Trần Văn T là hợp pháp vì ông bà có đăng ký kết hôn. Trong cuộc sống chung vợ chồng ông bà sống không hợp nhau, theo nguyên đơn trình bày là do không tôn trọng nhau, tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra bất hòa, cả hai cố gắng tìm cách hàn gắn nhưng không thể nào sống chung được nữa, nên đã ly thân. Hội đồng xét xử thấy rằng bà H NER ÊBAN xin ly hôn với ông N, bà H NER ÊBAN, ông N sống chung với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được, chính vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà H NER ÊBAN là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 cho nên Tòa án chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H NER ÊBAN.

[4] Về quan hệ con chung: Bà H NER ÊBAN xác định vợ chồng 01 con chung là Trần Chí T1, sinh ngày 20/8/2021, con chung hiện đang sống với bà H NER ÊBAN. khi ly hôn, bà H NER ÊBAN yêu cầu được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, con chung, đang được bà H NER ÊBAN chăm sóc, nuôi dưỡng, phát triển ổn định. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống cho con chung, giúp cháu phát triển tốt về thể chất, tinh thần, Hội đồng xét xử giao cháu Trần Chí T1 cho bà H NER ÊBAN được tiếp tục nuôi dưỡng theo Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Bà H NER ÊBAN không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét đến.

[5] Về quan hệ tài sản chung: Bà H NER ÊBAN khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

[6] Về nợ chung: Bà H NER ÊBAN khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

[7] Về án phí: Bà H NER ÊBAN phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào,

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H NER ÊBAN.

1) Về quan hệ hôn nhân: Cho bà H NER ÊBAN ly hôn với ông Trần Văn T.

2) Về con chung: Bà H NER ÊBAN được tiếp tục nuôi con chung là Trần Chí T1, sinh ngày 20/8/2021. Ông Trần Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà H NER ÊBAN cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Trần Văn T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

3) Về tài sản chung và về nợ chung: Bà H NER ÊBAN khởi kiện xác định không có nên không xét đến.

4) Về án phí: Bà H NER ÊBAN phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm nộp án phí đã nộp 300.000đồng (Bằng chữ: Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0005613 ngày 22/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh An Giang. Bà H NER ÊBAN đã nộp đủ.

5) Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt thì thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND kgu vực 11-An Giang;;
- TAND tỉnh An Giang;
- THADS tỉnh An Giang;
- UBND xã Chợ Mới, tỉnh An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thanh Hùng